



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

Ngày 30/06/2025	8,910 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	22.9%	29.1%	22.1%

DT thuần Q2/25
965
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 453 88.5%
YoY: ▲ 263 37.5%

LN thuần Q2/25
335
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 277 479%
YoY: ▲ 245 271%

LN sau thuế Q2/25
316
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 273 630%
YoY: ▲ 240 314%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
41.4%
YoY: +/- ▲ 26.0%

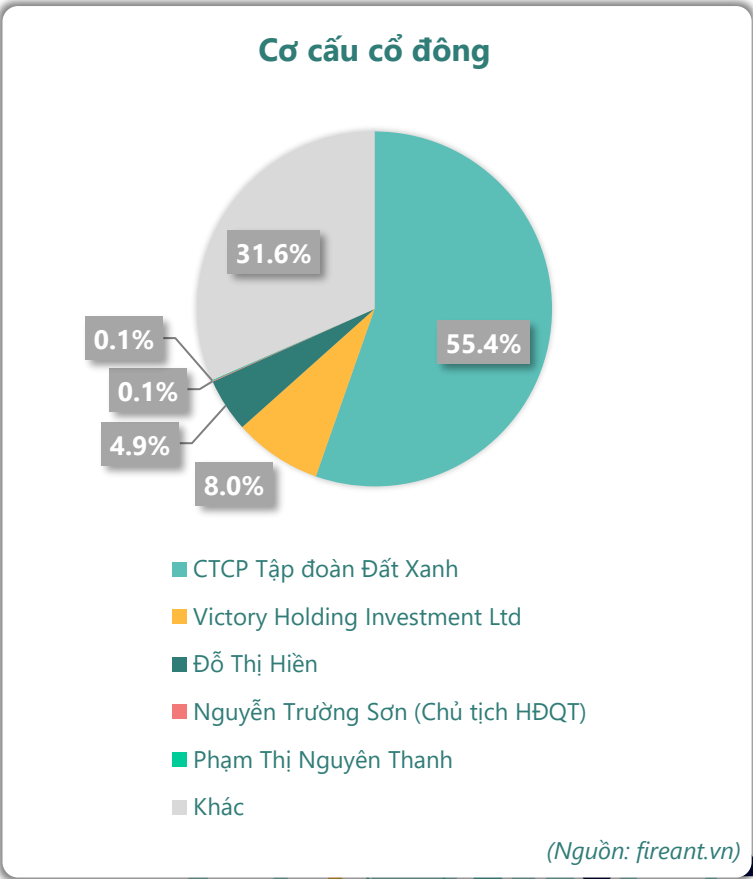
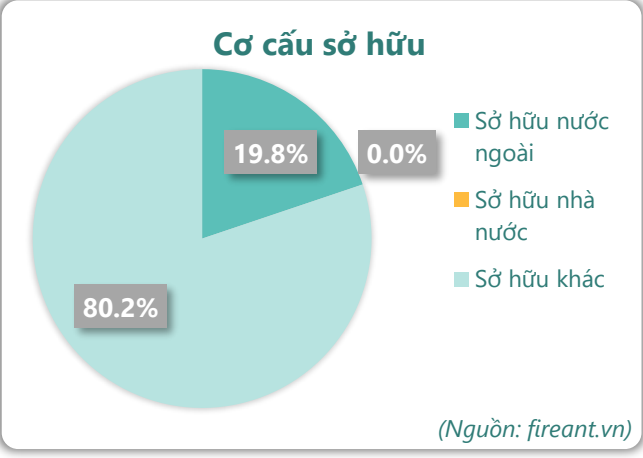
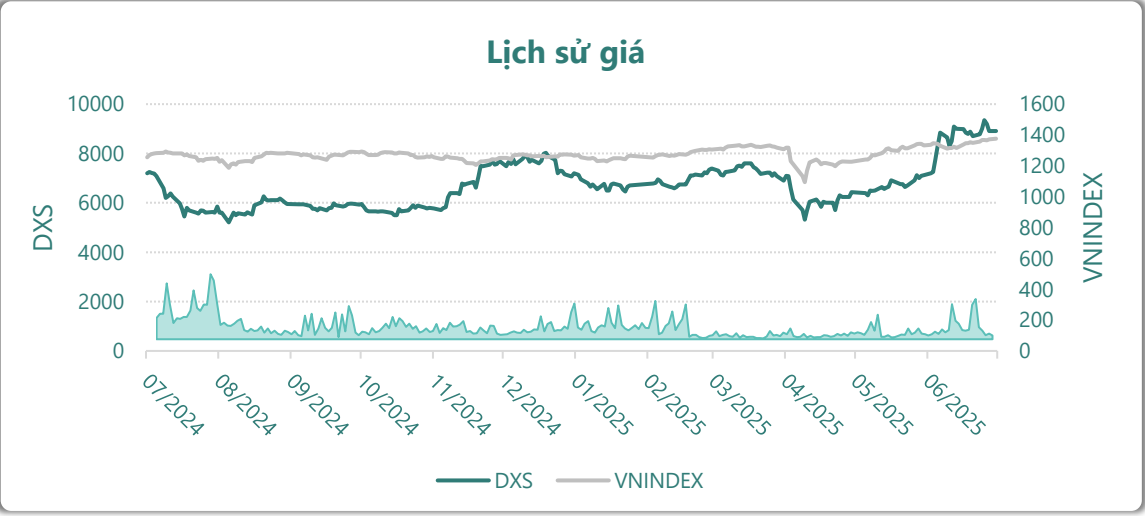
ROE (TTM) Q2/25
3.9%
YoY: +/- ▲ 2.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,210 - 9,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,160
Số lượng CPLH (CP)	579,103,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,439,605
Sở hữu nước ngoài	19.8%
Beta	1.19
EPS	566
P/E	15.8

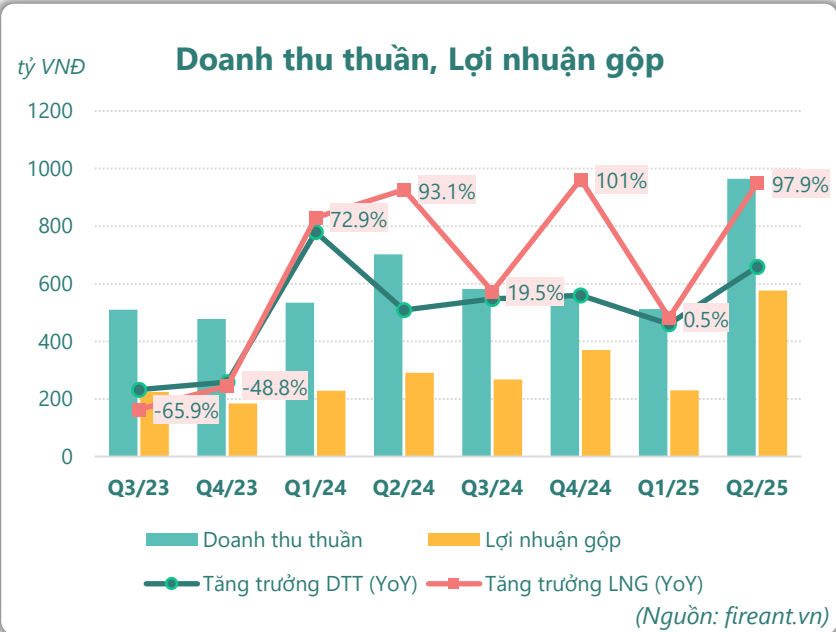
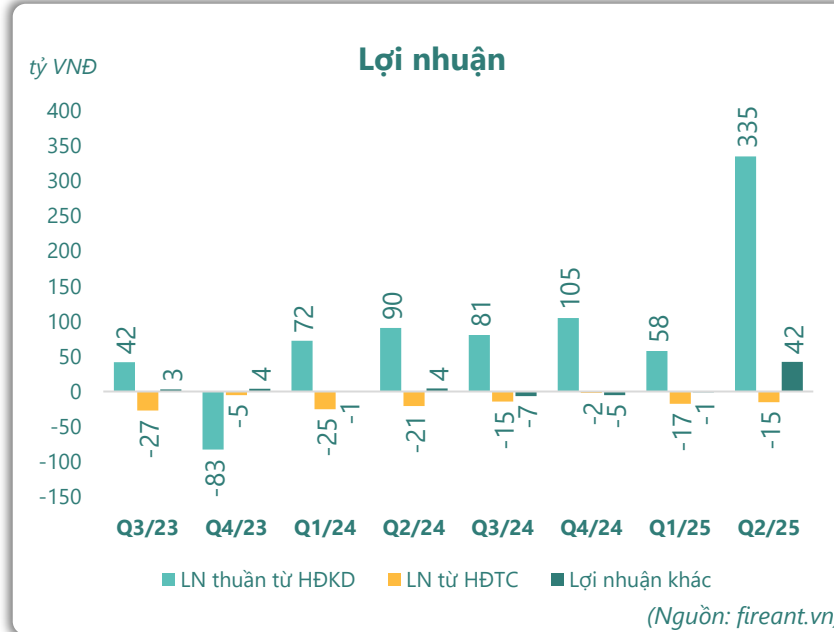
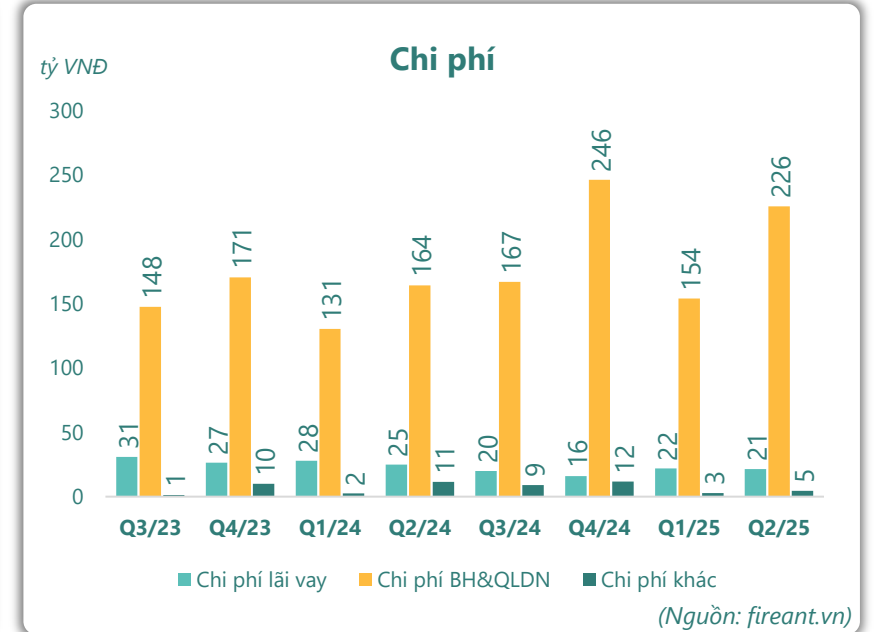
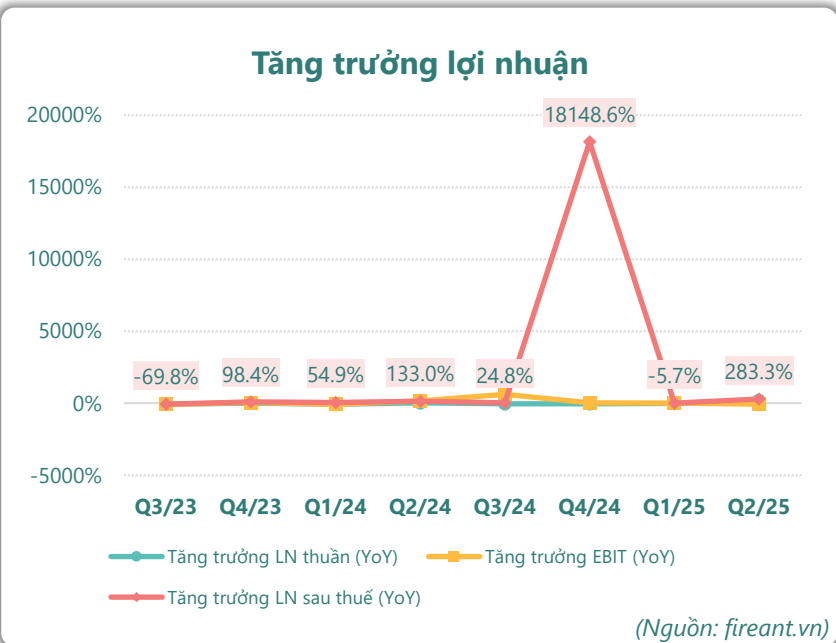
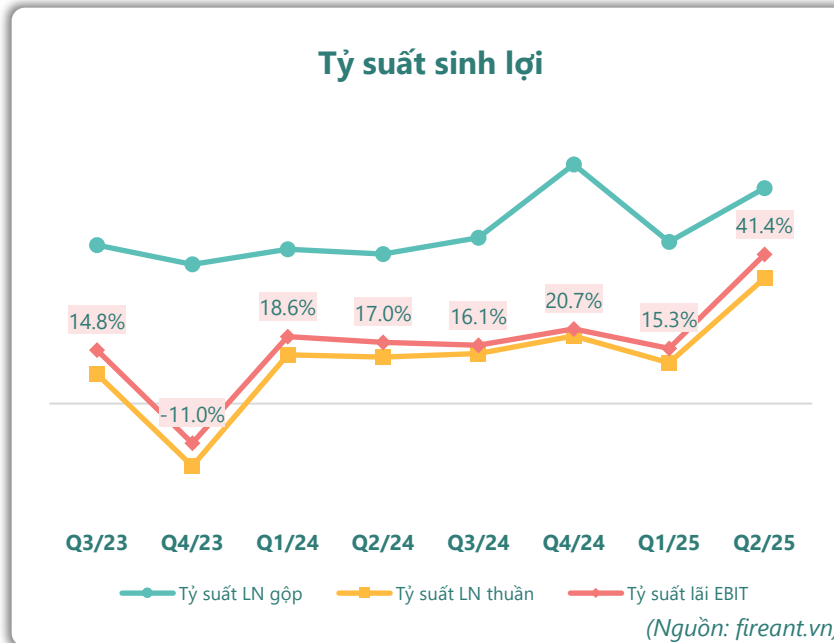
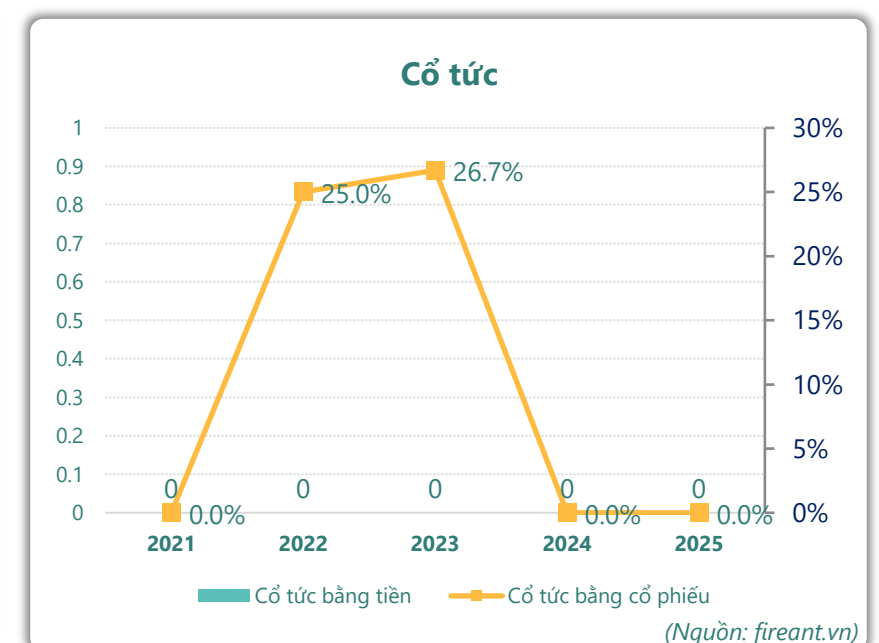
DT thuần 6T 2025
1,478
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 241 19.5%

LN thuần 6T 2025
393
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 230 142%

LN sau thuế 6T 2025
360
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 230 177%



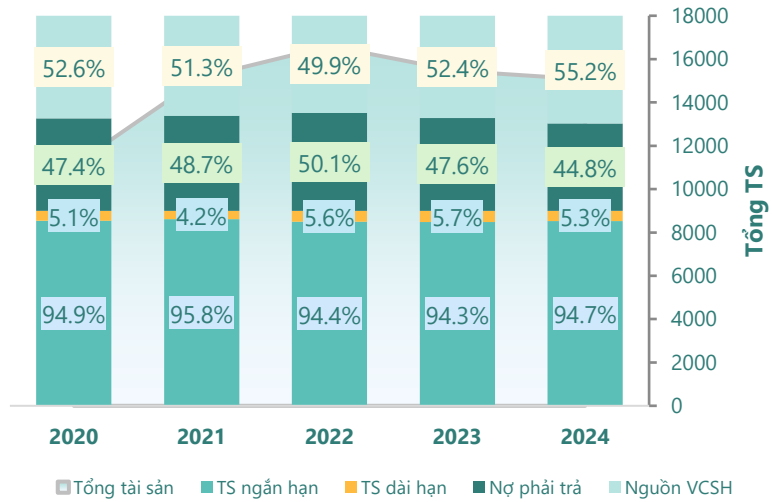
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

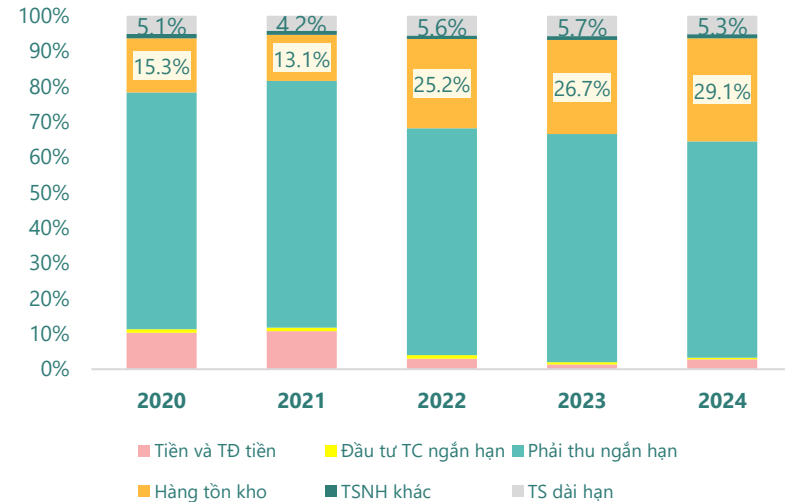
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

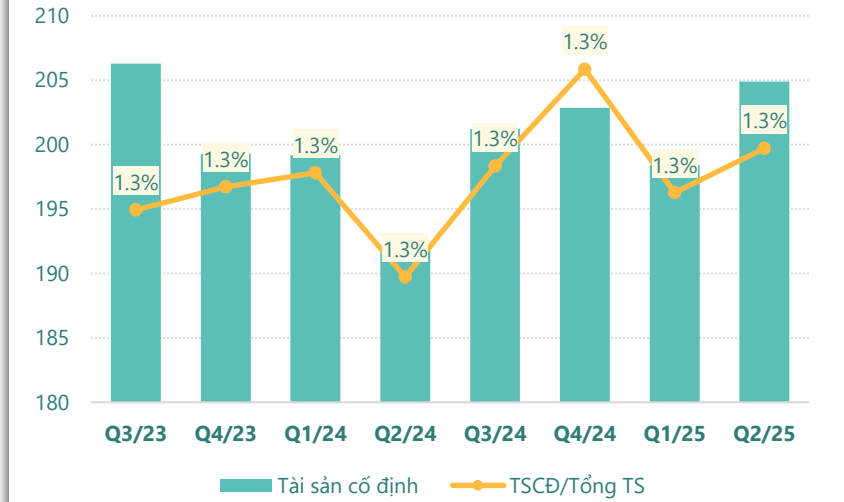
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

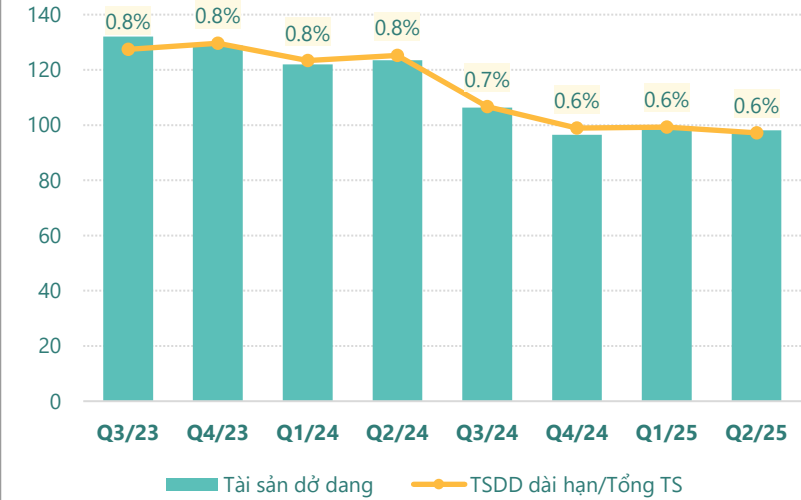
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

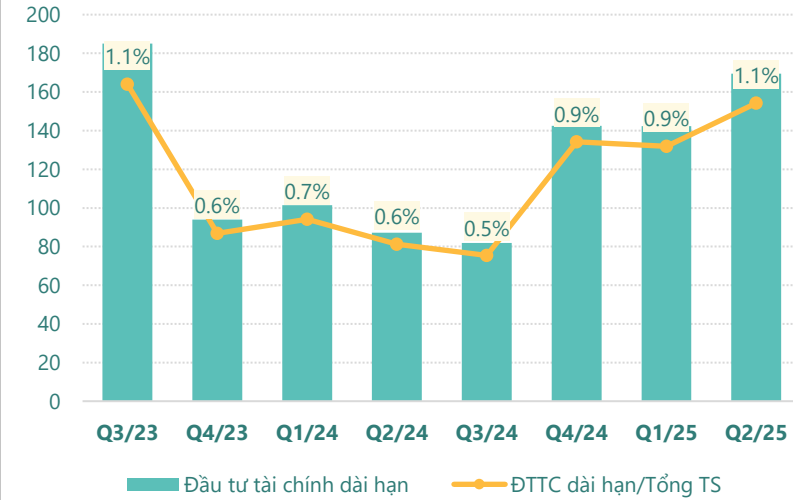
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

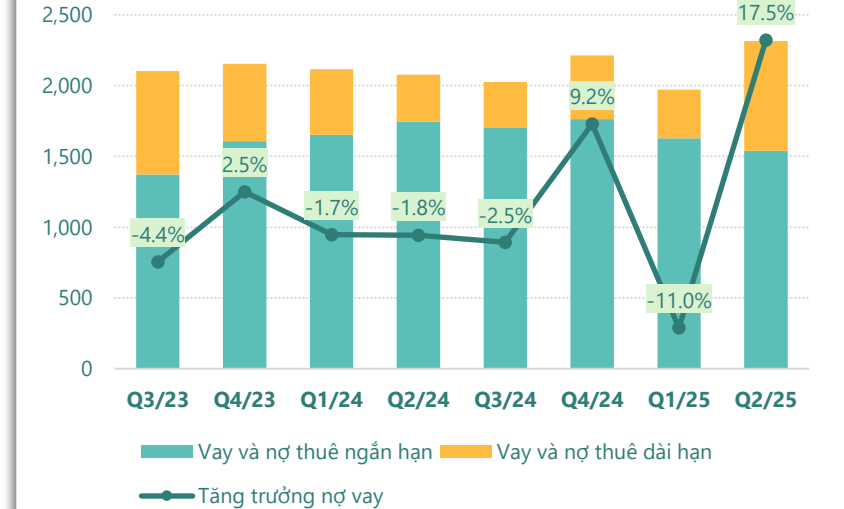
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

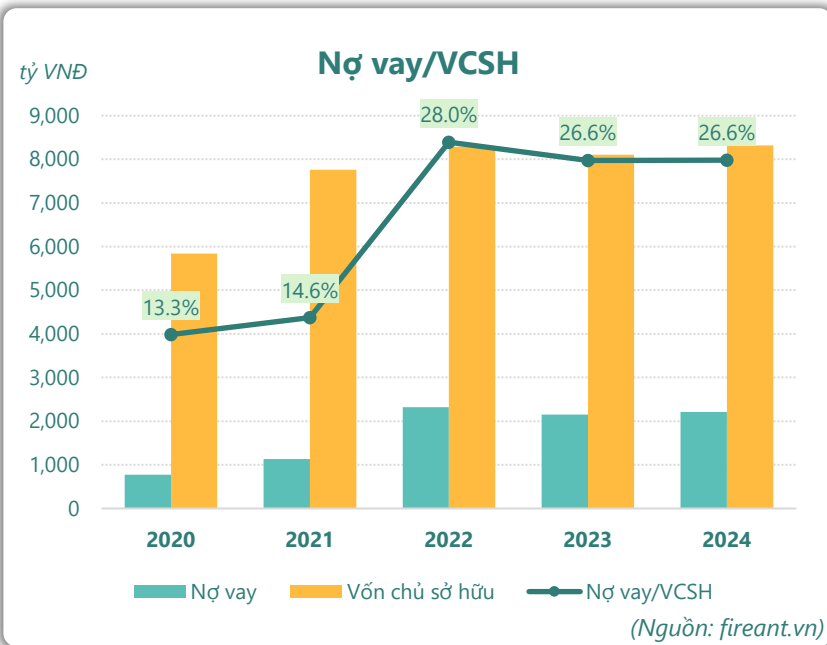
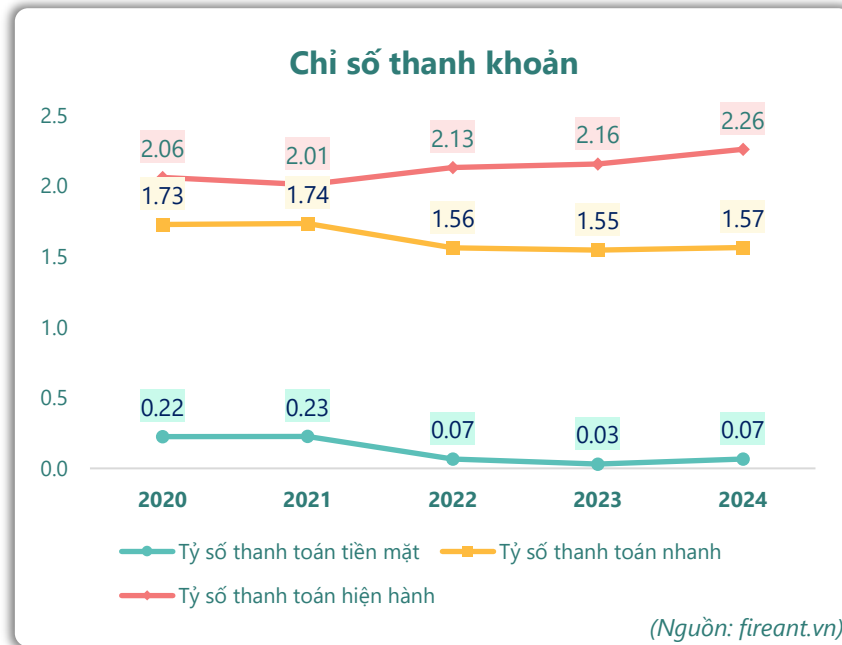
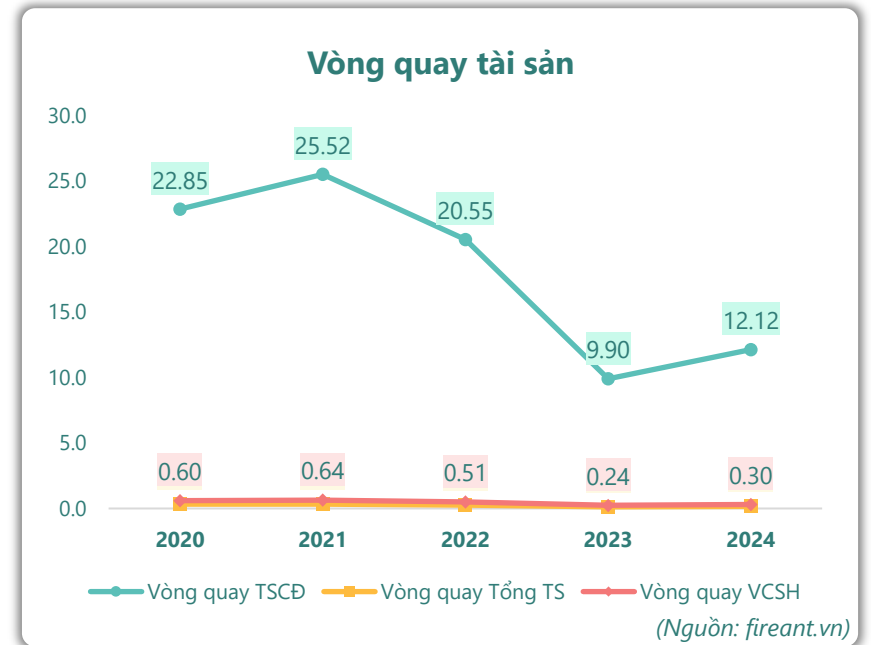
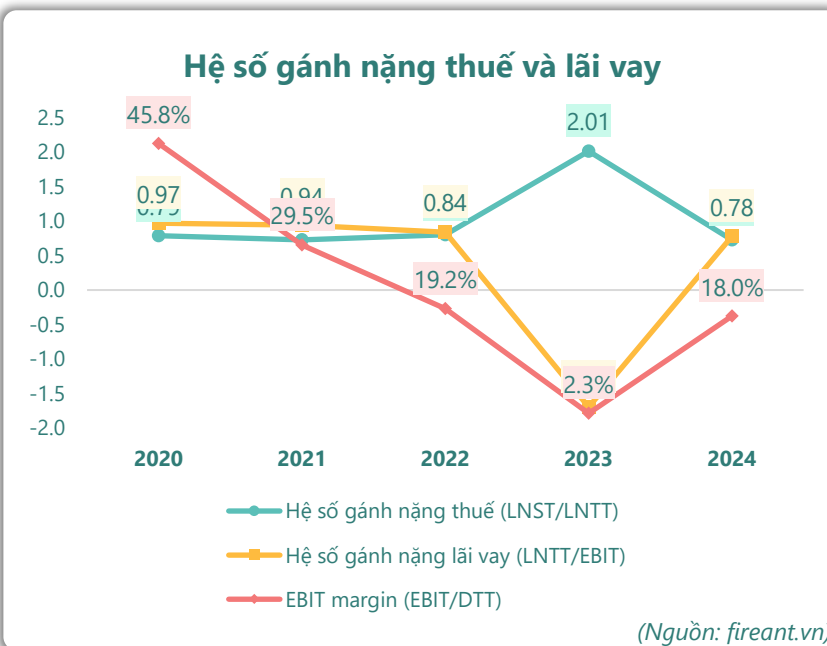
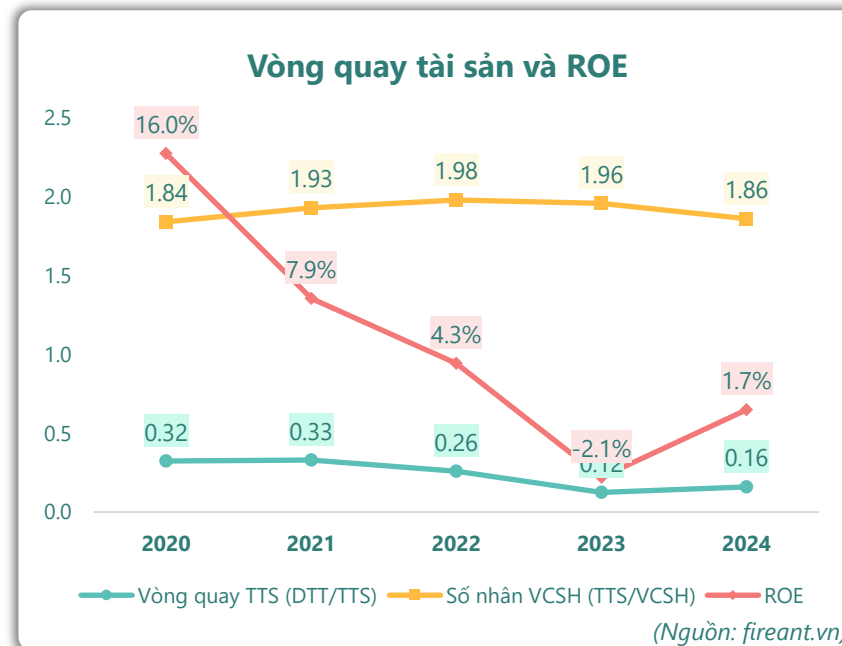
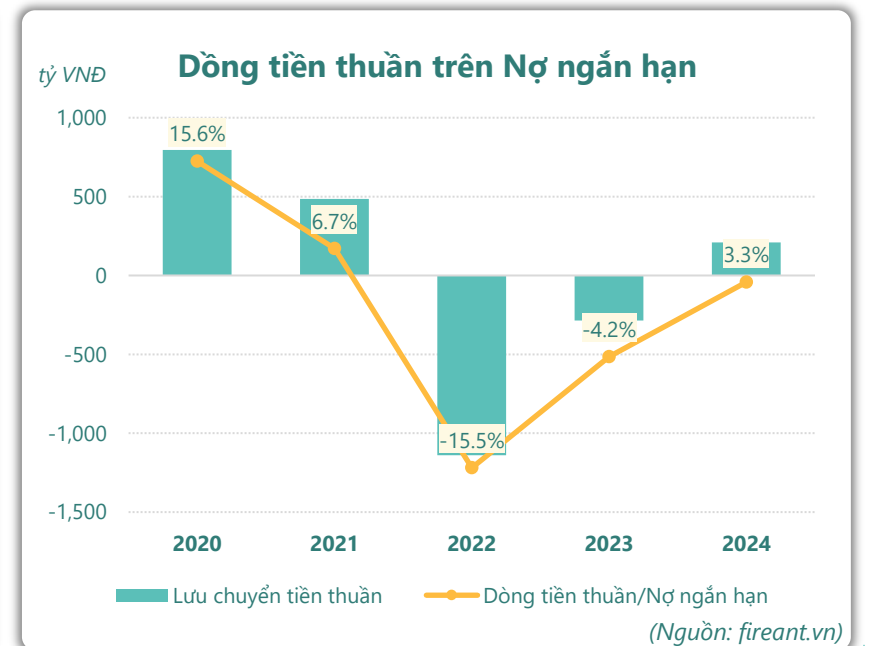
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	965	702	37.5%	1,478	1,237	19.5%
Giá vốn hàng bán	389	411	-5.4%	672	717	-6.3%
Lợi nhuận gộp	576	291	98.1%	806	520	55.1%
Doanh thu HĐTC	6.97	5.21	33.8%	11.4	8.68	30.8%
Chi phí TC	22.2	25.9	-14.2%	44.0	54.4	-19.1%
Chi phí lãi vay	21.4	24.9	-14.0%	43.2	52.8	-18.0%
LN trong công ty LKLD	0.13	-15.7	101%	0.05	-16.3	100%
Chi phí bán hàng	178	122	46.3%	275	199	37.7%
Chi phí QLDN	47.5	42.4	11.9%	105	95.6	10.3%
LN thuần từ HĐKD	335	90.5	271%	393	163	142%
Lợi nhuận khác	42.3	4.17	915%	41.2	3.42	1104%
LN trước thuế	378	94.6	299%	434	166	162%
Lợi nhuận sau thuế	316	76.4	314%	360	130	177%
LNST của CĐ cty mẹ	216	38.0	469%	256	69.3	270%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	140	117	52.7	-92.2	113	-251
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.1	15.5	-27.0	-79.3	9.05	-10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.1	-41.7	-52.1	192	-242	361
Tiền đầu kỳ	207	331	422	396	416	296
Lưu chuyển tiền thuần	124	91.3	-26.4	20.5	-120	100
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	331	422	396	416	296	397

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,701	15,069	4.2%
Tài sản ngắn hạn	14,945	14,276	4.7%
Tiền và tương đương tiền	397	416	-4.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103	77.6	32.1%
Phải thu ngắn hạn	9,645	9,221	4.6%
Hàng tồn kho	4,631	4,391	5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	170	171	-0.4%
Tài sản dài hạn	756	792	-4.5%
Phải thu dài hạn	7.23	79.1	-90.9%
Tài sản cố định	205	203	1.0%
Bất động sản đầu tư	66.4	63.0	5.5%
Tài sản dở dang	98.1	96.5	1.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	169	142	19.0%
Tài sản dài hạn khác	311	93.2	234%
Lợi thế thương mại	105	115	-9.1%
Nợ phải trả	7,030	6,752	4.1%
Nợ ngắn hạn	6,195	6,313	-1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,540	1,834	-16.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	312	290	7.4%
Nợ dài hạn	834	439	90.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	776	378	105%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,671	8,316	4.3%
Vốn chủ sở hữu	8,671	8,316	4.3%
Vốn điều lệ	5,791	5,791	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

